

## 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Xăng E10 Ron 95-III	Yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng: Theo quy định tại o QCVN 01:2022/BKHCN và Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN và tương đương sản phẩm xăng RON 95-III của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ
2	Dầu DO 0,05S-II	- Yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng: Theo quy định tại QCVN 01:2022/BKHCN và tương đương sản phẩm Dầu DO 0,05S-II của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ

**Bảng 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Xăng E10 Ron 95-III**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu chất
1	Trị số octan theo phương pháp nghiên cứu (RON)	≥ 95
2	Hàm lượng chì, g/L	≤ 0,005
3	Thành phần cất, °C: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C - Điểm sôi cuối, °C - Cặn cuối, % thể tích	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 ≤ 2,0
4	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100 mL, không lớn hơn	≤ 5,0
5	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	≤ 500
6	Hàm lượng Benzen, % thể tích	≤ 2,5
7	Hydrocacbon thơm, % thể tích	≤ 38
8	Hàm lượng olefin, % thể tích	≤ 30
9	Hàm lượng ôxy, % khối lượng	≤ 4,0
10	Hàm lượng etanol, % thể tích	8-10

11	Hàm lượng nước, % thể tích	$\leq 0,2$
12	Hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	$\leq 5$
13	Ngoại quan	Trong suốt, không phân lớp, không có tạp chất lơ lửng

**Bảng 2. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Dầu DO 0,05S-II**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu chất lượng
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	$\leq 500$
2	Chỉ số xêtan	$\geq 46$
3	Nhiệt độ chưng cất tại 90% thể tích thu hồi, °C	$\geq 360$
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C	$\geq 55$
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm <sup>2</sup> /s	2,0 ÷ 4,5
6	Hàm lượng nước, mg/kg	$\leq 200$
7	Cặn cacbon của 10% cặn chưng cất, % KL	$\leq 0,3$
8	Điểm độ đông đặc, °C	$\leq 6$
9	Hàm lượng tro, % khối lượng	$\leq 0,01$
10	Tạp chất dạng hạt, mg/L	$\leq 10$
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C trong 3 giờ, max	Loại 1
12	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m <sup>3</sup>	820 - 860
12	Độ bôi trơn, $\mu\text{m}$	$\leq 460$
13	Hàm lượng metyl este axit béo (FAME), % thể tích	-
14	Ngoại quan: Sạch, trong, không có nước tự do và tạp chất	

### 1.3. Các yêu cầu khác

Không có

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Trong quá trình giao nhận, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ Đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Hàng hóa sẽ được kiểm tra ngay sau khi tiến hành bàn giao hàng hóa sẽ được kiểm

tra bằng mắt thường hoặc trong trường hợp nghi ngờ về chất lượng Chủ đầu tư sẽ yêu cầu kiểm tra bằng các thiết bị chuyên dụng. Đối với trường hợp này Chủ đầu tư sẽ không nhận hàng, hai bên tiến hành lập biên bản và lấy mẫu ngẫu nhiên chia thành 03 chai, mỗi chai 01 lít: Một chai mẫu giao cho Chủ đầu tư giữ, một chai mẫu Nhà thầu giữ, một chai chuyển cho cơ quan kiểm tra chất lượng do hai bên cùng thống nhất lựa chọn. Các chai mẫu kiểm tra phải được đại diện hai bên cùng xác nhận trong biên bản và trên niêm phong. Kết quả kiểm tra chất lượng mẫu là cơ sở xác định trách nhiệm về chất lượng lô hàng phù hợp tiêu chuẩn TCVN. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.